

Ngô Viết Trọng

Vnthuquan.net, 2009.

Ngôi cổ miếu



Gã cán bộ mở ổ khoá rồi phải dùng hết sức mạnh kéo tấm cửa sắt ra. Tấm cửa nặng nề di chuyển cà lên thềm cửa gây ra tiếng kêu kèn kẹt nghe ghê cả răng. Nó rất dày, có lẽ đã trải qua thời gian hàng trăm năm nên bị sét rỉ ăn mòn đến độ đã khuyết bề đi nhiều mảng và trệ xuống. Có một mảng thủng gần đáy cửa rộng đến nỗi có thể thò tay qua lại được. Gã cán bộ đẩy tôi vào phòng, đóng cửa lại rồi khoá ổ khóa bên ngoài.

Dù đã gần tối và cửa đã đóng nhưng bên trong còn thấy được khá rõ nhờ ánh sáng rọi vào từ những mảng thủng trên mái nhà. Tôi chưa kịp quan sát chung quanh thì một người đàn ông cao lênh khênh tươi cười niềm nở bước đến chào hỏi. Đó là một ông già chừng sáu mươi tuổi, mặc chiếc áo sơ mi ca-rô bỏ ngoài quần tây dài. Ông ta khá đẹp lão, lưng còn thẳng, mắt sáng và sắc. Ông hỏi thăm tíu tít nhưng với

giọng khào khào, quá nhỏ như nói thầm, rất khó nghe. Tôi phải nghênh tai mà vẫn chỉ nghe tiếng được tiếng mất. Sau một hồi nói chuyện, ông xưng là Nguyễn Trinh Đ., linh mục xứ đạo xã Phước Tỉnh thuộc tỉnh Phước Tuy cũ.

Căn phòng khá chật, chỉ có thể kê hai cái giường bố cá nhân song song, thừa một chút khoảng trống đầu đuôi và chừa được một lối đi hẹp ở giữa. Nhưng trong phòng chỉ có một chiếc giường của ông Đ. Giường kê sát một bên vách, có mùng chống muỗi treo sẵn thả buông thông phía sát bên vách, phần ngoài dựng sẵn hai thanh gỗ nhỏ làm cồng mắc mùng. Phía trên trần, ông Đ. có căng một tấm poncho để che mưa.

Bốn mặt vách, ngoại trừ một khoảng kê giường của ông Đ., đều loang lổ dấu nước chảy, dấu rêu mốc và nhiều chỗ vôi lở loét hoen ố. Nền phòng thì lại càng tệ hơn, dơ dáy, vài chỗ trơn trượt vì rêu mọc. Lớp da tô xi-măng bị tróc lên quá nhiều để lộ ra bao nhiêu mảng cát thâm ố. Nhất là ở các góc vách, cát bị trôi xói thành những kẽ hở chuột có thể chun vào ở được. Cả phòng thoáng thoảng mùi ẩm mốc lẫn mùi khai khai của nước tiểu.

Phía trên mái, ngói bể trọt tạo thành nhiều lỗ hổng thấy cả trời.

Tôi thấy phần nền nhà còn nguyên vẹn nhất trong phòng lại chính là phần sát vách đối diện chỗ ông Đ. kê giường ngủ, nhờ phần trên mái chưa bị thủng. Thế là tôi chọn chỗ nằm ở đó, song song với chỗ nằm ông Đ.

Ông Đ. vẫn đứng nói chuyện và nhìn tôi sắp xếp chỗ nằm. Xong xuôi, tôi nhìn chỗ kê giường của ông Đ. và cảm thấy vừa mừng vừa ngạc nhiên. Tại sao khi trong phòng chỉ có một mình ông, ông Đ. không chọn chỗ tôi bây giờ mà lại chọn chỗ xấu như vậy? Phần trên mái

phía bên ấy là chỗ bị dột nặng nhất, ông phải treo một tấm poncho cản nước khi mưa. Phần dưới nền thì lỗ hổng lỗ hê lởm chởm gần khắp. Nếu ông Đ. chiếm mất cái chỗ tốt của tôi bây giờ thì chắc tôi cũng khốn đốn vì tôi thiếu đồ trải và đồ che mưa.

Nhìn tổng quát một lượt, tôi có cảm tưởng phòng này là một ngôi miếu đã bỏ phế lâu ngày mà hai chúng tôi là lữ khách tạm trú. Tôi hỏi:

“Sao khi ở một mình tự do, ông không chọn bên này mà lại chọn bên ấy?”

Ông Đ. ngập ngừng một chốc rồi nói:

“Tôi đã có tấm poncho lại có giường nên nằm chỗ nào cũng được, chỗ đó tốt, tôi để lại phòng hờ cho người khác có thể thiếu đồ đạc vào ở.”

Nghe câu nói ấy, tôi rất nể phục đạo hạnh của một bậc tu hành.

Lát sau tôi biết được ông Đ. đang bị bệnh ho. Ông ho nhiều, kéo dài từng cơn, nhưng không khạc đờm. Tiếng ho có lúc nghe như xé ruột xé gan. Tôi nhìn kỹ thấy người ông ta quá gầy, trông cao lêu nghêu. Có thể ông cao khoảng một thước tám.

“Ông bị tội gì mà phải vô đây?”

“Giúp người vượt biên!”

“Ông ở phòng này lâu chưa? Thăm nuôi có đều không?”

“Ở phòng này thì mới hơn ba tháng nhưng ở khám đường này thì đã lâu, bị cấm tuyệt không được cho thăm nuôi. Trước tôi to và khỏe lắm chứ đâu có như bây giờ!”

Tôi chỉ biết mỉm cười với ông mà không an ủi được lời nào.

Từ khi vào phòng, tôi đã cảm thấy mắc tiểu quá chừng nhưng chưa tiện hỏi. Tới lúc ấy, không thể nín nổi nữa, tôi buộc phải lên tiếng:

“Cầu tiêu mình ở đâu?”

“Phòng này làm gì có cầu tiêu. Khi kẹt lắm thì kêu xin cán bộ còn thường thì mỗi tuần được đi một lần, chỉ một lần.”

Tôi nghe nói mà đâm hoảng:

“Ông nói thật à?”

Ông Đ. cười:

“Chẳng lẽ tôi đùa ông?”

“Thế mắc tiểu thì làm sao?”

“Ông cứ cho xuống mấy cái lỗ chuột đó. Từ nay lỗ bên đó của ông, bên này của tôi! - ông Đ. vừa nói vừa chỉ vào hai góc phòng.”

“Mình đang tiểu nửa chừng lỡ cán bộ mở phòng thì sao?”

“Ông khỏi lo, muốn mở cửa phòng cũng lâu lắm, ông đủ thì giờ để... ngưng mà.”

Hèn gì mà từ khi vào phòng tôi đã cảm thấy có mùi khai. Nhìn kỹ hai góc vách bên trong lại có nhiều dấu vết rong rêu không đẹp mắt tí nào.

Trời mùa mưa thật mau tối. Lát sau thì cán bộ lại đến mở cửa để từ nhà bếp đưa cơm và cũng để điểm danh luôn thể. Không thấy có nước uống. Còn cơm là hai lát bột lộn khoai mì mỏng cho hai người với một vá canh cải bẹ xanh được một dùm xác nấu với muối.

Tôi ngón một chút là hết nhăn phần mình. Khi ấy trời bắt đầu mưa rào rích. Thỉnh thoảng, những giọt nước từ trên mái rơi xuống bắn toé ra những giọt li ti đập vào mặt tôi, tạo một cảm giác mát mát dễ chịu.

Tôi nhìn sang giường ông Đ., dù chưa tối hẳn, ông đã buông mùng.

Ông ngồi thẳng lưng quay mặt vào vách, động môi lầm thầm một

cách đều đặn, tôi đoán là ông đọc kinh. Thân hình ông gần như bất động. Nhìn ông lúc này, trong đầu óc tôi chợt nảy ra hình ảnh những nhân vật kỳ dị đang ngồi luyện công trong các truyện kiếm hiệp Tàu. Đúng đây là một ngôi cổ miếu mà ông Đ. và tôi là hai thầy trò đang tu luyện trong đó! Trời mưa nặng hạt hơn. Nước dột cứ dồn trên tấm poncho của ông Đ. để tạo thành những giọt lớn, rơi xuống nền nhà tạo ra những âm thanh “tróc, tróc” đều đặn, buồn buồn. Bóng đêm ma quái phủ xuống dần. Tôi bỗng cảm thấy nhớ nhà da diết, thấy nỗi cô đơn tràn ngập hồn mình. Cha mẹ, vợ con tôi giờ này có tưởng tượng nổi tôi đang nằm trong một ngôi nhà thế này không? Căn phòng này quả mang hình ảnh một ngôi cổ miếu hoang phế thật. Nó chật hẹp, ẩm thấp, tường vách, nền, mái đều mang vẻ hư hoại bởi sự tàn phá của thời gian. Trong đó có hai quái khách một già một trẻ da xanh như tàu lá, nhin đói nhin khát, âm thầm luyện công... Nghĩ tới đây, tôi bất giác thốt thành tiếng:

“Không biết thầy trò ta bao giờ được xuống núi đây?”

Ông Đ. tưởng tôi nói gì với ông, quay lại nhìn tôi một cái làm tôi hơi ngượng. Tôi lắc đầu cười trừ. Ông Đ. lại quay mặt vào vách tiếp tục động môi lầm thầm...

Tôi thiu thiu ngủ được một chốc thì giật mình tỉnh dậy. Trong bóng tối mịt mù của căn phòng đóng cửa không đèn đuốc giữa một đêm không trăng sao, tôi bỗng nghe tiếng nói chuyện thì thào của ông Đ. Ông ta nói chuyện với ai giờ này? Trong phòng chỉ có hai người, tôi và ông thôi chứ còn ai nữa đâu? Ông ấy đang mê sảng chăng? Hay

ma nhập chẳng? Tôi rờn óc nghĩ tới trong căn phòng giam lâu đời này thì nhất định không thiếu chi người đã bỏ mạng, thiếu chi những oan hồn? Tôi rùng mình mấy cái rồi tự trấn tĩnh được. Tôi cố lắng tai nghe ông Đ. nói những gì. Rõ ràng là giọng nói chuyện chứ không thể là giọng đọc kinh, tôi không thể làm lẫn tiết nhịp âm điệu giữa những bài kinh và những câu nói chuyện có ngắt quãng thường tình được. Trong những câu nói thì thảo của ông, tôi còn nghe vài lần ông nhắc đến tên tôi nữa. Lòng tôi hoang mang thắc mắc phải chăng chính ông ta là một người tù “cò mồi” đang báo cáo gì đó với cán bộ công an? Không thể được, vì tôi có nghe được tiếng ai khác nữa đâu! Chẳng lẽ trong phòng có máy vô tuyến?

Ông Đ. nói chuyện thật say sưa, dai dẳng. Dai dẳng đến độ cơn mệt mỏi, cơn buồn ngủ của tôi đã thắng óc tò mò, nhận chìm tôi vào giấc ngủ trước khi ông Đ. chấm dứt cuộc nói chuyện với kẻ vô hình...

Sáng hôm sau, khi cán bộ mở cửa điểm danh, mỗi người chúng tôi được phát một lon gô nước trong. Tôi hỏi:

“Nước phát sao hà tiện quá, mỗi ngày phát mấy lần?”

Ông Đ. cười:

“Bấy nhiêu cả rửa mặt súc miệng cả uống trong ngày đấy! Ông liệu lấy mà dùng!”

Cuộc nói chuyện kỳ lạ của ông Đ. hồi hôm đã làm tôi phải dè chừng.

Tôi không dám nói chuyện cầu thả với ông. Tôi phải cố nói chuyện hài hoà để tạo sự thân mật, tin tưởng với ông Đ., rồi mới thăm dò:

“Hằng ngày ông vẫn đọc kinh chứ?”

“Vâng. Đọc chứ sao không?”

“Ông đọc kinh vào lúc nào? Không sợ cán bộ bắt gặp à?”

“Tôi vẫn đọc sau khi ăn cơm chiều, khoảng năm rưỡi sáu giờ, lúc đó điểm danh rồi, tụi nó không đến các phòng nữa.”

Tôi ngẫm nghĩ: Vậy thì đúng rồi, sau bữa cơm chiều, lúc ông quay mặt vào vách nói lầm thảm, chính là lúc ông đọc kinh. Còn lúc ông thì thảo giữa đêm, chắc chắn là ông nói chuyện với ai rồi! Hay là ông chớm bệnh tâm thần? Không thể được! Ngoài chứng bệnh ho khan và bị yếu thanh quản, tiếng nói không cất lên được, trông ông ta còn minh mẫn sắc sảo lắm mà! Thế là cả ngày đó tôi suy nghĩ cố tìm cho ra cái đáp số bí ẩn kia.

Đến gần mười giờ thì chúng tôi được phát phần ăn sáng. Tới năm giờ chiều lại được phát một lần nữa. Bữa nào cũng gần gần như nhau, chỉ có miếng bột khoai mì luộc và một vá canh cải nấu muối, chẳng mấy đổi thay.

Cũng như chiều hôm trước, sau khi ăn xong bữa cơm chiều, ông Đ. lại buông mùng rồi ngồi ngay ngắn, quay mặt vào vách lầm thảm đọc

kinh. Tôi thì nằm hoài niệm chuyện xưa hoặc nhắm ôn những vần thơ cổ để tự ru mình vào giấc ngủ.

Rồi cũng như hôm trước, gần nửa đêm tôi lại thức giấc, lại nghe tiếng nói chuyện thì thào của ông Đ. Đêm này tôi đã quen tiếng ông hơn và cũng nhiều lần nghe ông nói đến tên tôi. Tôi lại cố lắng nghe nhưng không cách nào hiểu được ông nói gì. Trời tuy tạnh nhưng vẫn không trăng sao nên trong phòng vẫn tối om. Nhiều lần tôi muốn gọi ông nhưng rồi lại cố dần để theo dõi. Cuối cùng tôi lại chịu thua lời nói chuyện dai dẳng của ông mà thiếp vào giấc ngủ...

Ngày thứ ba, trong khi tôi đang ngằm cố nhận xét về con người ông Đ. để tìm ra thêm chút bí ẩn nào ở ông thì gã cán bộ võ trang đến mở cửa kéo ra he hé:

“Đi cầu đi! Từng người một! Không được đi linh tinh đấy!”

Nói xong, gã cán bộ võ trang bỏ đi mất. Tôi hơi bối ngỡ, đưa mắt nhìn ông Đ. dò hỏi:

“Đi cầu ở đâu đây ông?”

Ông Đ. chỉ cái phòng để đi cho tôi rồi nói:

“Ông đi trước đi, cứ thong thả, mỗi lần cho đi cầu nó đợi chứ không thúc hối gì đâu, bao giờ thấy mình về rồi nó mới đến khoá cửa lại.”

Nhưng hôm ấy, tôi bị táo bón nên không mắc cầu. Tiểu tiện xong, tôi ra sân hít không khí mấy cái rồi trở về liền. Tôi không mang giày dép, bước chân đất rất nhẹ nên đến cửa phòng mà ông Đ. vẫn không hay. Cánh cửa ông Đ. đã khép lại. Tôi chưa vội kéo cửa mà dán mắt ở một lỗ hờ nhìn vào phòng. Tôi bỗng giật mình, ông Đ. đã vén tấm màn, cúi mặt ghé sát miệng vào vách, đang nói chuyện với ai đó. Bây giờ thì tôi đã hiểu phần nào của sự bí mật. Tôi thối người lui và dằng háng rồi kéo cửa. Ông Đ. vội buông tấm màn bước ra hỏi tôi:

“Sao ông đi gì nhanh đến thế?”

“Tôi bị bón quá không đi được.”

Thế là tới phiên ông Đ. đi. Ông ôm cái hộp ông thường dùng đi vệ sinh theo để đồ. Đó là một cái hộp kẽm vốn dùng để đựng một loại bánh ngọt thượng hạng, vẻ ngoài trông còn mới và đẹp. Người ngoài nhìn thấy, có thể tưởng rằng ông Đ. đang mang quà cho ai. Theo ông kể, đã có một lần ông bị dùng dằng rất lâu khi đi cầu vì gặp một cán bộ mới đến trại xét hỏi về cái hộp ấy.

Đợi ông Đ. đi khuất, tôi liền bước sang vén cái màn ông ngay chỗ ông vừa nói chuyện để quan sát. Nhưng tôi không thấy gì ngoài mấy lỗ lổm của bức vách, có lẽ do người ta đóng đinh để treo móc gì đó làm lở ra, dấu đã cũ. Ở phòng này, những lỗ như thế rất nhiều. Thật khó hiểu. Bức vách này dày hơn nửa thước tây chứ vừa gì! Bên này nói bên kia làm sao nghe được? Tôi thử tìm đi tìm lại vài lần vẫn không thấy dấu vết gì khác lạ. Ý nghĩ ông Đ. mắc chứng bệnh tâm

thần lại lớn vồn trong đầu tôi. Thế là tôi trở về chỗ mình, lòng vẫn đầy thắc mắc. Tôi tự hứa phải quyết tìm cho ra sự bí mật này.

Rồi đêm thứ ba, trong phòng lại diễn ra cảnh tương tự như hai đêm trước. Tôi đã nhiều lần nhò dậm định bước sang chỗ ông Đ. nhưng rồi lại thôi. Tôi cũng muốn gọi ông mà hỏi nhưng phần sợ, phần tiếc, không mở miệng nổi. Đến hôm sau, khi ăn trưa xong, ông Đ. bỗng hỏi tôi:

“Ông Nguyễn Kha ở phòng A4 là bạn ông hả?”

Quả thật tôi có người bạn tên Kha, người ta ghép anh cùng vụ và đưa đến trại này một lần với tôi. Nhưng mấy ngày qua ông Đ. có tiếp xúc với ai đâu mà biết? Có chuyện gì đây? Tôi đâm ra hoang mang lo lắng. Để chứng tỏ mình thành thật, tôi nói:

“Vâng, tôi có người bạn tên Nguyễn Kha, một bạn khác là Lê Đình Khôi cùng đến đây một lượt, nhưng tôi không biết mấy anh ấy hiện bị nhốt ở phòng nào.”

Ông Đ. nhanh nhẩu thì thảo:

“Ông Kha ở phòng A4 với cha Hương, cũng ở Phước Tỉnh và bị bắt một lần với tôi. Còn ông Khôi thì ở phòng A3 với cha Nguyễn Minh, tuyên úy công giáo tiểu khu Bình Long, ngay cạnh phòng mình.”

Nghe ông Đ. nói, tôi nhẹ nhõm người. Đây là dịp thuận tiện nhất để

tôi có thể tìm hiểu những thắc mắc mấy hôm nay, tôi hỏi:

“Làm sao ông biết rõ ràng như thế?”

Đến phiên ông Đ. lúng túng:

“Tôi... cũng nghe người ta nói vậy thôi.”

“Nhưng ông nghe trong trường hợp nào? Ai nói với ông chứ?”

“À, hôm qua đi cầu, tôi nghe một anh tù nói.”

Tôi tiến tới luôn:

“Tôi biết rồi, hằng đêm khi tôi ngủ, ông vẫn liên lạc với người ta để biết tin tức phải không?”

Có lẽ ông Đ. nghĩ tôi đã biết chuyện, ông tỏ ra sợ hãi, năn nỉ:

“Ông bỏ qua đi, trong tù buồn quá phải tìm cách nói chuyện một chút để giải khuây. Ông có muốn nói chuyện với ông Khôi hay nhấn gì ông Kha không?”

Tôi sáng mắt lên:

“Có thể nói chuyện với mấy ông ấy được hả? Khi nào?”

Ông Đ. cười:

“Ông muốn nói khi nào cũng được hết!”

“Ngay bây giờ cũng được à? Cho tôi nói chuyện với ông Khôi đi!”

“Được ngay!”

Ông Đ. vén mùng lên, nhón hai ngón tay vào một trong những cái lỗ mà hôm qua tôi nghĩ là do đóng đinh mẽ đi, lấy ra một cục đá phủ vôi. Ông gõ tay vào vách ba cái thì tôi cũng nghe bên kia gõ đáp lại ba cái. Tôi thấy ông Đ. ghé mắt vào nhìn qua cái lỗ ấy. Sau đó, ông ghé miệng vào nói:

“Cha Minh đó hả! Cha khỏe không? Ông Trọng ở phòng tôi muốn nói chuyện với ông Khôi!”

Ông Đ. đưa tay ngoắc tôi lại và nhường chỗ cho tôi. Tôi cũng ghé mắt nhìn qua cái lỗ và tôi bắt gặp một con mắt có vẻ cười. Ông Đ. giục:

“Nói chuyện đi!”

Tôi ghé miệng vào lỗ:

“Anh Khôi đó hả? Khỏe không?”

Nhưng người bên kia tường không phải Khôi mà là ông cha Minh. Ông Minh thăm hỏi tôi một cách niềm nở như với một người bạn thân. Sau những lời xã giao thân tình, ông Minh nhường chỗ cho Khôi. Thế là tôi và Khôi nói chuyện với nhau một hồi. Cứ thay nhau bên này nói thì bên kia đặt tai vào lỗ mà nghe rồi làm ngược lại. Chúng tôi hết nói thì tới phiên ông Đ. nói chuyện với ông Minh. Khi nói xong, ông Đ. lại nhém miếng đá bọc vôi vào lỗ hồng. Thế là xong, ai mà biết ở đó là cái lỗ có thể nhìn xuyên qua bên kia vách? Không ai ngờ những bức vách dày như vậy lại được đục thủng để nói chuyện với nhau ba phòng liên tiếp!

Từ khi chuyện liên lạc giữa các phòng tù được “bạch hoá” đối với tôi, ông Đ. ngày nào cũng thả sức nói chuyện xuyên tường. Liên tiếp ba phòng từ phòng A2 đến A4, hễ phòng nào có chuyện gì là cả ba phòng đều biết. Tôi không hiểu sao ông Đ. bị ho hơi nặng, giọng khà khà nói không nổi mà cứ ưa nói chuyện liên miên như thế. Mỗi lần nói phải ép miệng vào cái lỗ. Nhiều khi đang nói, ông lại phải dừng để ho và ho cả vào cái lỗ nói chuyện. Đó cũng là một lý do khiến tôi không mấy thích thú khi phải liên lạc với các bạn ở phòng khác. Lại nữa, nói chuyện như thế có thể nguy hiểm đến chết người như chơi nếu cán bộ bắt gặp nên tôi cố tránh bớt. Ở khám đường Bà Rịa, cán bộ đánh chết tù là chuyện không hiếm hoi gì. Vì thế khi có ai gọi, bắt đắc dĩ tôi phải tiếp chuyện mà thôi.

Phải nói là ông Đ. quá ghiền nói chuyện. Có lẽ vì lâu nay bị biệt giam một mình ông không biết nói chuyện với ai. Nếu có nói chuyện xuyên tường thì cũng phải dè chừng và có giới hạn vì chưa chắc người bên

kia tường đã thích nói. Bởi thế, mới ở chung với ông một thời gian ngắn, tôi đã được biết khá nhiều về khám đường này, về bản thân ông.

Người trưởng khám đường Bà Rịa là thiếu úy công an Năm Huê. Ông này tuổi non năm mươi, người xanh xao ốm yếu, lúc nào cũng tỏ ra rất thù hận người quốc gia. Ông ta từng chỉ vào đám tù chính trị mà nói với bọn thuộc cấp:

“Đây là những người đã từng giết hại cha mẹ, anh em, vợ con của các đồng chí. Nay tôi cho phép các đồng chí tùy ý đền đáp thật xứng đáng với tội lỗi của chúng!”

Do đó, đám cán bộ ở khám đường, phần nhiều còn rất trẻ, đã thả sức hành hạ tù mà không hề bị ai ngăn cấm. Vì thế, án mạng ở đây xảy ra rất thường.

Phó khám đường là Năm Bình, một người thuộc sắc dân thiểu số. Gã này ít nói nhưng hay đánh đập tù.

Người nổi bật nhất ai cũng khiếp sợ là cán bộ Sơn. Gã là kẻ chuyên nghề đánh tù rất tàn nhẫn, bất kể hậu quả. Hàng chục tù nhân ở đây đã trực tiếp hoặc gián tiếp bị chết vì một tay y.

Hồi ấy, trại tù Bàu Lâm do đại úy Trần (hay Bùi?) Tấn Công làm trưởng trại. Ông Công đem cả gia đình về sống bên cạnh trại. Phải nói đó là một gia đình làm ăn gương mẫu. Họ cũng thức khuya dậy

sớm lo trồng trọt, chăn nuôi cần mẫn lắm. Có lẽ thấy vợ con lao nhọc không đành lòng, ông Công thường mượn một số tù “tín nhiệm” về gánh nước tưới cà-phê, xới đất làm cỏ hoặc tắm rửa cho đàn heo giúp gia đình. Để đáp lại công những người tù này, bà Công bán rẻ cho họ gà, vịt, rau cải để họ dùng. Có lần bà còn xin với ông cho phép họ làm thịt một con chó để nhậu với nhau nữa.

Nhằm kỳ thu hoạch đậu phộng, ông bà Công nghĩ ra cách kiếm lợi thêm là nấu đậu chín để bán cho tù. Việc này, ông bà giao cho người con gái chừng hai mươi tuổi lo. Trại Bầu Lâm đang khẩn hoang một khu vực rộng mênh mông, nhiều khe suối, đi lại cũng khá vất vả. Vì thương con gái, ông Công lựa một anh tù khỏe mạnh theo gánh đậu cho cô bán. Dĩ nhiên là kết quả rất khả quan. Nhưng một chuyện bất ngờ xảy đến là sau vụ thu hoạch đậu phộng thì nàng ái nữ của ông trưởng trại mang bầu. Thế là anh tù gánh đậu phộng bị kỷ luật, đưa về khám đường Bà Rịa thọ phạt. Anh ta được cán bộ trực ngày chính là Sơn tiếp nhận. Sơn liền đưa anh ta vào một phòng riêng biệt làm việc liền. Sáng hôm sau thì anh tù này chỉ còn là một cái xác, lý do được đưa ra là anh ta dùng dây dù để thắt cổ tự tử. Anh ta tự tử hay không thì những người tù đem anh ta đi chôn biết rõ hơn ai hết.

Vụ khác, trong một lần thăm nuôi trước đây, một bà mẹ thăm nuôi con, quà có một gói cà-phê và một lon gô đường cát. Những món quà gói vào thường được kê đủ trên một mảnh giấy. Khi anh tù kia đọc theo tờ kê hàng thì tìm mãi vẫn thiếu gói cà-phê. Sơn hỏi thì anh tù cứ thật mà trả lời. Sơn nổi giận cho xáo đồ hết mọi thứ của anh tù ra để tìm. Cái khổ là vì gói cà-phê lại nằm dưới đáy lon gô đựng

đường cát nên mới xảy ra chuyện. Sơn kết tội là anh tù cố ý vu khống cán bộ ăn bớt đồ thăm của tù. Thế là Sơn dùng một thanh gỗ đánh anh tù một trận nên thân. Anh tù về phòng đau nằm liệt chẳng ăn uống gì được. Mấy ngày sau thì anh ta chết.

Một lần khác nữa, có một anh tù báo cáo là anh mất một gói tôm khô. Anh cũng cho cán bộ biết tên bốn tội phạm hình sự đã lấy và chia nhau ăn. Sơn hỏi thì bốn tên này không dám chối, nhận hết. Thế là Sơn đem cả bốn tên ra dùng còng số tám còng hai cánh tay quặp ra sau lưng rồi dùng dây mắc vào còng rút ngược lên theo bờ tường. Sau một lúc thọ phạt, cả bốn đứa đều ói máu miệng và đều bị đứt mấy sợi gân ngón tay, chịu thương tật vĩnh viễn.

Chuyện ở khám đường vẫn còn nhiều, trên đây tôi chỉ ghi vài chuyện điển hình.

Tiếp đây là chuyện ông Đ. kể về chính ông: Trước kia ông ở miền Bắc, chịu không nổi sự áp bức của cộng sản nên trốn vào Nam. Ông từng làm linh mục lãnh đạo nhiều xứ đạo, từng du lịch Đài Loan, Hồng Kông. Nghe thì nghe thế thôi, tôi không để ý lắm. Nhưng có một chuyện ông tỏ ra phẫn uất nhất, nhắc nhở bao nhiêu lần làm tôi nghe riết rồi cũng nhập tâm: “Bọn vong ân bội nghĩa!”

Trước khi về hành đạo tại Phước Tỉnh, có một thời gian ông Đ. hành đạo ở xứ đạo Sông Bé. Lúc ấy, vùng này còn nhiều rừng gỗ quý chưa được khai thác. Xứ đạo của ông cũng có một nhà thờ lớn để giáo dân hành lễ. Nơi này không được an ninh lắm. Quân đội Cộng hoà

vẫn đóng gần đó, nhưng về đêm thì bộ đội và du kích cộng sản cũng hay lui tới thăm viếng. Thành ra cái thế ông Đ. phải ăn ở cho vừa lòng cả đôi bên. Cũng vì thế, ông Đ. dần quen biết với viên bí thư huyện uỷ sở tại. Viên bí thư này tỏ ra rất mực kính nể ông Đ., cư xử hết sức đứng đắn, nên trong đầu óc ông Đ. cũng dần xoá đi cái mặc cảm về người cộng sản thời 45-54.

Quà cáp của viên bí thư thường là thịt nai, thịt heo rừng, mật ong, mọi thứ cứ nườm nượp về với ông. Ông Đ. nhận ơn hoài, tất phải nghĩ cách báo trả. Ông đem gạo, bột mì, sữa, đường tặng lại. Một hôm, ông bí thư huyện uỷ đề nghị:

“Chúng tôi rất cảm ơn cha đã cho quà quá hậu hĩ. Gạo, bột mì, đường là những thứ chúng tôi cần, nhưng có một thứ chúng tôi còn cần hơn nữa, đó là thuốc men. Nếu cha giúp cho được thứ nhu yếu phẩm ấy thì cách mạng sẽ biết ơn cha lắm.”

Biết rõ và thông cảm hoàn cảnh những người bộ đội, du kích ở rừng thiếu thuốc men hay đau ốm, ông bèn cho người về Sài Gòn mua thuốc tây để giúp đỡ. Đó cũng là một việc thiện trên cách đối xử giữa người với người, theo ông Đ. nghĩ. Dĩ nhiên là viên bí thư huyện uỷ vô cùng cảm kích và hứa sẽ ghi công cho ông. Nhưng ông Đ. không cần chuyện đó, ông làm được việc thiện là thoả mãn lương tâm rồi. Để đáp lại, viên bí thư lại tặng ông rất nhiều gỗ quý. Những lúc tình hình cho phép, viên bí thư đích thân mời ông Đ. tham gia các cuộc săn thú ban đêm để tiêu khiển nữa...

Nhưng sự giao tình nồng hậu đó đã một lần làm ông Đ. lâm vào cảnh rắc rối. Số là một buổi tối, nhà thờ tặng một số lớn thuốc tây cho phía giải phóng xong thì trong đêm lại có một cuộc hành quân bất ngờ của phía Cộng hoà. Toán cán bộ giải phóng mang thuốc lên rừng bị bắt trọn vẹn với cả tang vật. Rủi ro nhất cho ông Đ., lúc ấy ông vừa nhận được hộ chiếu đi du lịch Hồng Kông. Nếu là một ai khác, tất nhiên kẻ ấy quá dễ dàng vào tù. Nhưng ông Đ. nhờ ơn trên che chở, chỉ bị chính phủ Việt Nam Cộng hoà thu hồi hộ chiếu đi du lịch mà thôi.

Thế là phía giải phóng lại an ủi và đền bù sự thiệt thòi này cho ông Đ. bằng rất nhiều súc gỗ quý.

Mấy tháng sau, lại thêm một phen hú vía nữa. Hôm ấy, viên bí thư dẫn theo một số cán bộ về thăm nhà thờ có chuyện gì đó. Không biết do ai điểm hay tình cờ, phía Cộng hoà lại mở một cuộc hành quân bất ngờ, bao vây khu vực ấy. Nếu những viên cán bộ giải phóng kia có mệnh hệ nào, tất ông Đ. cũng gặp rắc rối. Nhưng ông đã nhanh trí, cho những người cán bộ kia vào núp cả ở phòng riêng của ông. Tất nhiên quân đội Cộng hoà không thể xâm phạm tới những nơi đó. Sau khi thoát nạn, viên bí thư cảm ơn ông Đ. rồi rút, hứa sẽ trọn đời không quên.

Nghe ông Đ. kể những chuyện này, tôi càng cảm thấy thấm thía tình đời. Từ trước, tôi vẫn tưởng chỉ có vài nhà lãnh đạo Phật giáo của mình có “nhiệt tình ủng hộ cách mạng giải phóng” thôi. Nào ngờ giờ lại biết thêm một vị lãnh đạo một tôn giáo nổi tiếng chống cộng đã từng bỏ miền Bắc mà chạy năm 1954, cũng “giúp đỡ cách mạng tận

tình” như vậy! Thế thì mình ở tù một gông là hợp lý quá đi chứ!

Ông Đ. cho biết tiếp, sau đó một thời gian, bề trên đã can thiệp để ông được xoá bỏ lỗi cũ, được đi du lịch Hồng Kông như nguyện vọng của ông.

Sau khi ông Đ. đi du lịch về, bề trên lại cử ông đi hành đạo ở một xứ đạo khác. Từ đó ông Đ. không còn gặp rắc rối gì nữa. Nhưng viên bí thư huyện uỷ giải phóng vẫn chung thủy giữ tình cố cựu, thỉnh thoảng lại gửi vài hàng hỏi thăm sức khỏe ông, làm ông rất cảm động.

Nhưng đến khi chiến cuộc miền Nam trở nên sôi động thì hai bên mất hẳn liên lạc.

Vào năm 1975, sau ngày đất nước thống nhất, ông Đ. hành đạo ở xứ đạo Phước Tỉnh, một xã đánh cá rất giàu có ở Bà Rịa. Khi tiếp xúc với các cán bộ cách mạng, ông Đ. vẫn đánh tiếng thăm hỏi người bạn cũ. Thế rồi một hôm, ông nhận được danh thiếp của viên bí thư huyện uỷ năm nào báo tin sẽ đến thăm. Ôi, xiết bao mừng rỡ vì người bạn cố tri trong chính quyền cách mạng biết rõ công lao của ông còn đó! Từ nay, ông sẽ ưỡn ngực mà đi, không e dè như những bạn đồng đạo khác. Viên bí thư này bấy giờ đã là một uỷ viên trong thành uỷ lâm thời ở thành phố Hồ Chí Minh. Một cuộc hội ngộ rất cảm động giữa hai người đã xảy ra tại tư thất của ông Đ. Ông uỷ viên thành uỷ không quên nhắc lại những công lao ông Đ. đã giúp đỡ cách mạng trong thời gian ông làm việc tại Sông Bé. Ông Đ. cũng

khiêm tốn cho rằng giúp cách mạng là nghĩa vụ của toàn dân thôi. Thông cảm nỗi khổn khó của những người hi sinh làm cách mạng, ông Đ. cố ép tặng vị uỷ viên thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh một ít tiền lộ phí. Nể tình, vị uỷ viên thành uỷ phải nhận cho ông Đ. vui lòng. Trước khi chia tay, ông uỷ viên thành uỷ cho ông Đ. địa chỉ ở thành phố Hồ Chí Minh và hẹn hễ cần gì, ông Đ. có thể về gặp ông ta bất cứ lúc nào. Giáo dân địa phương nhiều người chứng kiến cảnh đó đều nể phục vị lãnh đạo của mình đã sáng suốt, có tinh thần hoà giải cao, biết đi trước thời cuộc.

Trước 1975, Phước Tỉnh vốn là một xã đánh cá rất giàu có, mức sống của người dân xã này rất cao. Những đứa trẻ con chịu khó đợi lúc tàu thuyền đánh cá về ra giúp ngư dân những việc vặt vãnh là có thể lấy được hàng mớ cá về dùng. Nếu lười hơn, chỉ cần đi lượm cá rơi rớt cũng kiếm ra tiền. Dân nhậu chỉ cần xuống bãi khi tàu về, không cần bỏ tiền ra cũng kiếm được món nhậu ngon. Dân chài Phước Tỉnh làm ra cá quá dễ dàng, họ chỉ coi quý thịt heo, thịt bò và rau lang. Đất cát nơi đây khó trồng trọt được thứ gì ngoài rau lang. Người ta chỉ cần rau để nuôi heo, không cần lấy củ. Thỉnh thoảng, cũng có người ăn rau lang thay các loại rau cỏ khác. Rau lang đất như vàng, ai có được một khoảnh đất mà siêng trồng tưới rau lang là có thể sống thoải mái. Về nhà cửa, từ xa nhìn vào, nơi nào cũng thấy tường xây mái ngói trông rất đẹp mắt. Nhưng đến gần thì chẳng mấy ai thích vì cả không gian đều sặc sụa mùi cá. Đi vào bên trong và sân sau những ngôi nhà đẹp đẽ ấy, người ta càng thấy cảnh ngược lại, những lưới cá, dụng cụ bắt cá, chứa cá treo bừa bộn ngổn ngang không đẹp mắt tí nào. Đó là hình ảnh về xã Phước Tỉnh mà ông Đ.

mô tả sơ qua...

Sau một thời gian ngắn hân hoan đón chào cách mạng giải phóng, cơn sốt vượt biên của người dân phát khởi. Xã Phước Tỉnh lại thành địa điểm lý tưởng cho những cuộc hẹn hò ra đi. Dân xã Phước Tỉnh rất giàu, có nhiều tàu thuyền tốt, ra biển lại tiện, nên những người ô mộng giang hồ lũ lượt kéo về nơi này chờ đợi thời cơ. Nhờ cha xứ có công với cách mạng nên cán bộ địa phương nể nang, ít chú ý đến hoạt động của giáo dân. Nhiều người ở xa về, trước khi ra quân, để tránh tai mắt chính quyền dòm ngó, họ thường tạm trú tại nhà thờ. Nhà thờ đã cư mang đùm bọc rất nhiều lớp người ra đi. Vì vậy, khi biết chắc đi được, phần đông người vượt biên thường tặng lại ông Đ. những tiền của họ mang theo trong mình. Nhưng đời có kẻ xấu người tốt, dần dần việc cũng tiết lộ. Đùng một cái, cả hai vị cha xứ xã Phước Tỉnh là Trần (hay Nguyễn, tôi không nhớ rõ) Văn Hương và Nguyễn Trinh Đ. đều bị công an mời làm việc. Ông Đ. bình tĩnh bày tỏ những công lao mình giúp đỡ cách mạng trong thời gian làm việc ở Sông Bé với cán bộ hỏi cung. Ông nêu tên vị đương kim uỷ viên thành uỷ thành phố Hồ Chí Minh làm chứng có, hi vọng được nể tình mà bỏ qua. Nhưng cán bộ cách mạng “chí công vô tư” chỉ xét vấn đề hiện tại. Sau cùng, ông Đ. chẳng được ưu tiên gì hơn ông Hương, cả hai ông đều bị tạm giữ. Người nhà ông Đ. liền tìm tới địa chỉ người cán bộ cách mạng đã được ông Đ. cứu sống ngày xưa để nhờ ông này giúp đỡ. Nhưng người làm cách mạng đâu có thể vì ơn riêng mà can thiệp vào phép công? Vị uỷ viên thành phố chỉ biết gởi lời chia buồn. Người nhà ông Đ. vất vả đi lại nhiều lần nhưng cứ bị ông uỷ viên kia tránh mặt. Cuối cùng, ông Đ. bị đưa vào khám đường Bà

Rịa. Ông Đ. vốn là một người yêu thể thao, thời trẻ, ông từng là một tay đánh bóng chuyền có hạng với những cú đập độc đáo nổi tiếng một thời. Thế mà cái thân hình to cao ấy, chỉ qua một thời gian bị giam cầm không được thăm nuôi, đã biến thành một hình nộm lóng khọng thảm thương như thế này.

Đó là câu chuyện “Bọn vong ân bội nghĩa!” của ông Đ. Có lẽ thời gian ở một mình trong ngôi cổ miếu, ông tụng niệm câu này nhiều lắm.

Lúc này, khổ nhất là chuyện nước dùng. Chỉ một gô nước mỗi ngày, tôi phải lo giữ để uống, không dám xài cầu thả. Ngay cả súc miệng cũng chỉ dám ngậm một hai búng nhỏ. Buổi sáng, tôi cũng không còn đánh răng vì không có kem. Cái bàn chải đã quá cùn, tôi chỉ giữ để dùng những khi quá cần thiết hoặc khi kiếm được một ít muối. Thấm một chút nước vào khăn để lau mặt lau cổ cũng phải chùng mực. Vì vậy, chỉ mấy ngày sau, tôi đã thấy nhiều chỗ ngứa ngứa trên người. Nhưng tôi vẫn cố làm ngơ không dám gãi, quá lắm chỉ đưa tay xoa nhẹ. Tôi chỉ cào gãi đâu trong giấc ngủ không tự kiềm chế mình được. Tôi thèm khát đến cả vài giọt nước mưa phùn bắn vào người khi trời mưa qua các lỗ dột, thèm khát một cách lạ lùng. Ở tù đã nhiều ngày, nhiều nơi, nhưng tôi chưa bao giờ gặp cảnh thèm nước đến thế. Thèm chán lại tự an ủi: năm bảy ngày nữa, thế nào người ta cũng cho đi tắm. Nhưng đến khi được cho đi cầu lần thứ hai, nghĩa là đã trên mười ngày mà vẫn chưa thấy ai cho tắm rửa gì. Tôi hỏi ông Đ.:

“Ở đây, mấy ngày họ cho tắm một lần?”

Ông Đ. nhìn tôi cười như chế giễu:

“Có lẽ hai ba năm chi đó cho tắm một lần, tôi ở đây hơn ba tháng rồi mà có tắm rửa lần nào đâu!”

“Ông nói thật à?”

“Sao lại không thật? Cái bọn vong ơn bội nghĩa ấy muốn thế mà! Không thăm nuôi, không tắm rửa, không có cầu tiêu, đó là đặc điểm của phòng này!”

“Nghe ông Đ. nói thế, tôi lo sợ lắm. Tôi đã từng chết hụt vì bệnh ghẻ một lần, bây giờ gặp tình trạng này, bệnh ghẻ tái phát thì thật nguy khốn. Trên người tôi đã có nhiều dấu hiệu nảy sinh của bệnh ghẻ. Nhiều nốt đỏ đã hiện ra khắp chân tay tôi. Nó ngứa ngứa nhưng tôi vẫn cố nín nhịn, không dám cào gãi. Tôi phải cố gắng mọi cách để giới hạn sự nhiễm trùng. Tôi biết phòng này chẳng vệ sinh tí nào, những móng tay tôi làm sao sạch được! May lúc đó còn là mùa mưa, trong phòng lại chỉ có hai người nên tôi ít đổ mồ hôi, cũng đỡ. Tôi không hi vọng thoát bệnh ghẻ tái phát mà chỉ mong cầm chân nó được lúc nào hay lúc đó thôi.

Mấy hôm sau thì đến kỳ khám đường cho thăm nuôi. Trong khi bên ngoài rộn rịp gọi tên người này người khác, trong ngôi cổ miếu, chúng tôi chỉ biết nằm chèo queo.

Bất ngờ, vào buổi sáng hôm sau, khi tôi vừa thức dậy thì ông Đ. trao cho tôi hai trái chuối và một cái bánh ú gạo nếp:

“Ông Kha gửi biếu ông đấy. Phần tôi, tôi dùng rồi.”

Anh Kha lúc ấy ở phòng A4 cùng với ông linh mục Hương. Có lẽ anh được thăm nuôi chiều hôm trước. Nếu anh ấy gửi quà cho tôi, cũng phải đợi đến giờ đưa cơm, nhờ tù nhà bếp chuyển với sự cho phép của cán bộ trại, chứ làm cách nào mà chuyển sang sớm thế được? Tôi thắc mắc:

“Ông Kha gửi đến lúc nào và bằng cách nào thế ông?”

Ông Đ. cười:

“Khoảng lúc mười một giờ đêm.”

Tôi trở mắt nhìn ông Đ., ông lại cười hãnh diện:

“Ông tưởng tôi đùa à? Tối nay, cũng khoảng giờ đó, ông ấy sẽ gửi thịt cho nữa đấy!”

Tôi tức cười hỏi lại:

“Gửi nhờ cán bộ trực đêm đưa à?”

Ông Đ. vui vẻ nói:

“Gởi nhờ ai, ông muốn biết thì đêm nay ráng thức đợi tới giờ đó sẽ rõ.”

Thật ra, tôi cũng muốn biết sự việc hư thật thế nào. Nhưng tới buổi tối, tôi ngồi được một chốc thì thấy mỏi, phải nằm xuống rồi ngủ quên lúc nào không hay. Tôi đang mơ màng thì ông Đ. đến vỗ vai tôi:

“Dậy ăn thịt gà!”

Tôi mở mắt hỏi:

“Cái gì? Thịt gà lấy về rồi à?”

“Ông đợi một tí xem tôi lấy về!”

Tôi đang ngờ ngác thì thấy ông Đ. ra ám hiệu và nói chuyện qua vách. Một lát sau, ông bước ra leo lên tấm bưng cửa sắt. Tôi cũng bước ra, đứng dưới chân cửa chăm chú theo dõi. Bấy giờ, tôi mới thấy nể sự lanh lẹ của một ông già sáu mươi. Đôi chân cao và đôi tay dài của ông lúc này thật hữu dụng. Ông đã dang hai chân tựa thật vững trên cái đà cửa và đưa cả hai tay ra khỏi dây song sắt ngấn bên trên tấm cửa bưng, một tay vỗ vào vách ba cái. Trong bóng tối tôi thấy một cái gì loáng thoáng bay qua trước mặt ông và ông giơ tay đón bắt. Thịt gà đó sao? Nếu bắt không được, nó sẽ rớt xuống thêm hành lang thì lộ chuyện mất. Nhưng không, điều tôi tưởng không đúng. Đó chỉ là đầu cối của một sợi dây chắp đôi có thể căng

thành một vòng tròn. Một người nào đó đã nắm một đầu bên kia và ném đầu cối cho ông Đ. Bắt được đầu cối của sợi dây xong, ông Đ. dùng hai tay thoăn thoắt lần cho cục cối chạy vòng sang bên kia một cách nhanh nhẹn. Chỉ một chốc sau, tôi thấy một gói đồ buộc trên dây chạy lần tới tay ông Đ. Ông ngừng tay lại để tháo gói đồ ra rồi buông sợi dây cho người bên kia rút về. Ông Đ. vói tay đưa gói thịt gà xuống trước cho tôi cầm rồi leo xuống. Ông cười nói:

“Sáng mai hãy ăn chứ không lẽ bây giờ tôi thui, ăn như chuột, coi sao được?”

Dù rất thèm thường, tôi cũng đồng ý tạm để gói thịt sáng hôm sau sẽ thanh toán. Tôi không rõ ý nghĩ của ông Đ. như thế nào khi đưa ra đề nghị đó. Riêng tôi, ý nghĩ tôi không được trong sáng cho lắm. Thế gian vẫn có câu “Miếng ăn là miếng tòi tàn, Hòn thua một chút lộn gan lên đầu”. Tôi không muốn để cho ông Đ. gán tôi vào hạng đó. Tôi vẫn còn bức mình vì mới đây tôi đã bị ông Đ. nghi làm. Số là anh tù nhà bếp khi chia đồ ăn, vẫn dùng cái thau của ông Đ. để đựng phần ăn cho cả hai chúng tôi. Sau đó, ông Đ. lấy đưa cho tôi một nửa. Phần của ông, ông để trong thau ấy để ăn luôn. Việc đó tôi không có gì thắc mắc. Ngặt một điều là ông Đ. hay ho quá. Khi ho, ông Đ. lại có thói quen không che miệng hay quay đi chỗ khác. Nhiều lần ông ho luôn vào thức ăn làm tôi đâm ra rất khó nuốt. Sau mấy lần như thế, hễ tù nhà bếp vừa đặt thau xuống là tôi nhặt ngay phần của mình liền, cái nào trên tôi lấy chứ không hề có ý lựa to nhỏ. Không ngờ mấy hôm sau, ông Đ. nói:

“Khi nào ông cũng lựa cái to trước như thế cũng tội cho tôi chứ!”

Khi nghe ông nói thế, tôi ghen hòng. Từ đó, tôi có định kiến: ở trong tù, bất cứ cái gì cũng phải chia chác cẩn thận chứ không thể coi thường. Tôi bức mình nhưng vẫn tự hào là lòng mình thật sự trong sáng.

Ông Đ. cũng cho tôi biết, lâu nay cả ba vị linh mục đều có lệnh cấm thăm nuôi tuyệt đối. May các ông còn được những người tù nhà bếp, phần nhiều là con chiên, giúp đỡ chút ít. Mỗi lần nhận được quà, dù chỉ một táng đường hay vài cái kẹo, những con người da bọc xương ấy vẫn san sẻ cho nhau qua cách chuyền giấy đó. Thật là những hành động tương thân tương ái vừa cao cả vừa dũng cảm hiếm thấy. Dũng cảm thật đấy, vì đối với cái trại này, nếu việc làm đó bị lộ, chắc chắn án mạng sẽ xảy ra ngay. Cán bộ khám đường Bà Rịa đánh chết tù nhân là chuyện quá thường.

Hôm sau, khi chia gói thịt của anh Kha cho, ông Đ. có vẻ cởi mở khác thường. Ông vừa tươi cười nói chuyện vừa chia cho tôi trội hơn. Tôi áy náy gấp trả bớt cho ông nhưng ông không nhận:

“Ông cứ ăn đi! Ông trông cũng cần bồi dưỡng lắm đó.”

Nghe ông nói thế, tôi rất cảm động. Tôi chợt nghĩ: hoá ra cái chuyện tôi méch lòng ông trong những lần chia chác trước có thể là do tôi hiểu lầm. Và cả lúc này nữa, tôi đã tưởng hôm nay ông ta vui vì được tặng quà. Tôi cảm thấy tự thẹn cho mình lắm.

Trong lúc tôi đang lựa vài lời để bày tỏ nỗi áy náy theo sự suy nghĩ của mình thì nghe ông Đ. nói tiếp:

“Ông Kha được thăm nuôi thì chắc ông cũng được thăm nuôi. Gia đình ông ở xa quá đến đây thăm cũng khó lắm. Hay là tôi bảo người nhà tôi mượn tên ông để thăm nuôi nhé. Thăm được cái gì anh em mình sẽ cùng hưởng với nhau.”

Tôi chỉ cười cười, không từ chối mà cũng không nói đồng ý. Tôi vốn nhát gan, ưng cũng ưng nhưng lại sợ. Bây giờ thì tôi hiểu rõ vì sao sáng nay ông Đ. có vẻ cởi mở với tôi. Có lẽ ông Đ. nghĩ tôi đã bằng lòng nên tiếp luôn:

“Thế là hai tuần tới nữa, anh em mình đỡ đói nhé!”

Thời gian thoăn thoắt, ngày thăm nuôi kế tiếp lại đến. Khoảng chín giờ sáng thì mấy anh tù trật tự đã rộn rịp mang đồ thăm nuôi đưa đến các phòng. Bỗng có tiếng bước chân dừng ngay ở phòng chúng tôi rồi có tiếng mở khóa lách cách. Tôi và ông Đ. hồi hộp nhìn nhau. Quả thật tên tôi được gọi. Chúng tôi nhìn thấy anh tù nhà bếp đang xách hai xách tay rất nặng. Đó là anh Cẩn, cựu thiếu úy Cộng hoà, là một người thân tín của ông Đ. Viên cán bộ mở cửa hỏi:

“Ai thăm biết không?”

Tôi nói tới cả chục tên người, thân nhân của tôi lẫn thân nhân của

ông Đ. do ông nhắc, nhưng vẫn trật hết. Tôi đang bối rối thì may thay, ngoài kia xảy ra vụ gì đó, viên cán bộ bước ra bên ngoài trong giây lát. Anh Cẩn lợi dụng dịp này khẽ nói: “Mai Hoàng Bích”. Khi viên công an trở lại, tôi vội trả lời năm ba tên khác rồi mới nói tới tên Mai Hoàng Bích. Thế là chúng tôi nhận được quà.

Viên cán bộ đóng cửa xong là chúng tôi quay lại mấy xách quà. Thật sự, khi mới nhìn thấy hai xách quà, tôi đoán ngay là của ông Đ. Người nhà tôi không thể bới quà nhiều như thế. Mảnh giấy viết mấy chữ “Chúc ông mạnh khỏe” càng xác nhận đó không phải là người nhà của tôi. Cái tên Mai Hoàng Bích hoàn toàn xa lạ cũng chẳng làm tôi ngạc nhiên. Tôi chỉ ngạc nhiên khi thấy chính ông Đ. cũng ngớ ngẩn không biết Mai Hoàng Bích là ai. Tuy thế, tôi vẫn giao cho ông Đ. khai quà. Có nhiều món quà khiến chúng tôi dễ xác nhận được nó phát xuất từ xã Phước Tỉnh: một bịch lớn cá thu cắt thành lát đã phơi khô, một xoong đầy cá bóng đã được kho sẵn thơm tho ngon lành. Có nhiều bọc quà khác tôi không rõ thứ gì. Đặc biệt nhất là trong số quà, có một cái bình thủy mới toanh. Ông Đ. vừa kiểm đồ vừa suy nghĩ. Lát sau ông nói:

“Tôi biết rồi! Mai là tên đứa cháu gái kêu tôi là bác ruột, Hoàng và Bích là tên hai đứa con của nó. Chồng nó là thiếu tá đã chết trận. Thảo nào nó viết câu nhắn ‘Chúc ông mạnh khỏe’, nãy giờ tôi cố nhớ vẫn không ra đó là đứa cháu nào. Chút nữa thì ông bác nó mất thăm nuôi!”

Đói khát lâu ngày, nay thấy quà ngồn ngang, nước miếng tôi cứ rệu

ra. Tôi rất nôn nóng đợi một lệnh của ông Đ. Thế nhưng ông cứ lo xếp đặt món này qua món nọ, có vẻ tính toán phân vân. Sau cùng ông trải tờ báo và để lên một số thức ăn: một ô nhựa cơm trắng, một vỉ trứng gà, gấp ra một chén thịt heo kho, một chén cá bống kho và một mớ rau cải.

“Ông đem chén đũa lại ăn cơm cho vui!”

Thật là một lời như cời tấm lòng! Nhưng tôi cũng đâm lùng khùng, sốt sắng quá, tôi ngại bị khi dễ. Tôi cầm bát đũa từ tốn đến bên ông ngồi đợi. Chủ nhân chưa động đũa mình đâu dám làm hỗn! Ông Đ. thông thả lấy một quả trứng gà đập đầu và hút, xong ông quay lại nhìn tôi, vẻ mặt tươi rói, cười cười nói:

“Trứng ngọt quá ông ơi! Ngọt thiệt! Ngọt thiệt! Ngọt thiệt!”

Tôi nóng ruột chờ đợi. Nhưng ông Đ. không để ý, tiếp tục cầm một cái trứng khác đập đầu đưa lên hút. Tôi ngượng đến nóng cả người mà không biết nên làm sao. Thế rồi tôi đưa đại chén vào đơm cơm. Lúc ấy ông Đ. mới nói:

“Ừ, ông cứ đơm cơm tự nhiên! Trứng ngọt quá! Trứng ngọt quá! Tôi phải thử thêm mấy quả đã.”

Tôi đơm xong cơm thì ông Đ. lấy đũa gấp bỏ vào chén tôi mấy miếng thịt và hai khúc cá bống lớn. Hình như chưa đã, ông lại tiếp tục đập trứng. Ông hút một mách gần cả chục trứng rồi mới ăn cơm.

Phải nói đây là bữa cơm tuyệt vời nhất từ khi tôi vào khám đường Bà Rịa. Chén cơm trắng thơm dẻo làm sao! Từng thớ thịt cá bóng thơm mềm, từng thớ thịt heo béo ngọt làm sao! Tôi không dám ăn nhanh, cứ nhẩn nha để tận hưởng từng giây phút khoái cảm ấy. Ông Đ. ăn có vẻ mạnh bạo lắm - dĩ nhiên, vì ông lúc ấy là chủ nhà. Đang nhai nhai nói nói, bỗng nhiên ông Đ. hắt hơi một cái. Cơm từ miệng ông văng tung toé bốn phía, văng cả vào chén thịt, chén cá, ô cơm và cả chén cơm tôi đang bụng nữa. Ông vội vàng xin lỗi tôi. Khổ ơ là khổ! Thế là tan biến hết những cảm khoái của một bữa cơm ngon! Tôi đâm ra khó xử. Trong hoàn cảnh đói khổ này, không lý mình đứng dậy? Tôi phải cố gắng làm như không quan tâm gì chuyện đó. Nhưng nuốt trôi được bữa cơm thịnh soạn đó, đối với tôi lúc bấy giờ chỉ còn là một cực hình. Mãi tới khi ông Đ. bẻ đưa cho tôi một trái chuối, tôi mới tìm lại được chút ít khoái cảm ban đầu.

Ngày ấy, cả ba vị linh mục đều nhờ mượn tên người cùng phòng, được thăm nuôi cả, nên các ông chỉ nói chuyện với nhau chứ chưa gửi quà cho nhau. Cũng trọn ngày, tôi được lãnh nguyên hai phần bột và canh của nhà bếp. Dù đã được ăn cơm khách, tôi vẫn thanh toán hết cả hai phần cơm nhà bếp, bữa nào xong bữa nấy như thường. Ông Đ. không lãnh phần ăn nhà bếp thì ăn lai rai quà thăm nuôi.

Khoảng nửa chiều, ông Đ. đem con gà luộc ra xé. Ông để những miếng thịt ròn vào một cái tô, còn tất cả phần có dính xương ông trao hết cho tôi và nói:

“Ông thanh niên rằng tốt chắc ăn thứ này được? Trong hoàn cảnh này, không nên bỏ phí thứ gì hết!”

Ông nói đúng quá đi chứ! Tôi cảm ơn và đưa cái chén ra thầu tuốt.

Xong, tôi đem về chỗ mình ngồi gặm. Tôi lần lượt nhai bẻ từng cái xương để hút cho kỳ hết từng chút tuỷ bên trong. Tuy thịt không còn nhiều nhưng phải nói là ngon đáo để.

Ăn thịt gà xong, ông Đ. lại bày cơm ra và mời tôi. Ông Đ. cũng gấp bỏ thịt và cá vào chén tôi như buổi sáng. Nhưng lần này, “nhận quà” xong, tôi vội lấy cốc cần ngồi dựa vách cho thoải mái, bưng ngay về chỗ mình. Tôi vẫn không quên cú sặc cơm văng tung toé lúc sáng của ông. Hình như tôi làm vậy, ông Đ. cũng vui lòng như tôi.

Đó ai biết chuyện gì đã xảy ra sau đó? Cơm xong là ông Đ. bị mệt, không thể ngồi đọc kinh hay nói chuyện xuyên tường được. Ông buông mùng nằm sớm, không biết có ngủ được không. Riêng tôi, đêm đó lại có vẻ khỏe người hơn và không ngủ sớm như thường lệ. Khoảng chừng chín giờ tối, tôi bỗng nghe tiếng gõ nhẹ ở cửa. Ai đến làm chi lúc này nhỉ? Tôi giả vờ ngủ say không biết. Ông Đ. cũng im lặng. Tiếng gõ cửa lại tiếp tục, vẫn nhẹ nhưng có vẻ gấp gáp hơn. Ông Đ. vẫn im lặng, chắc ông ngủ thật rồi. Tôi đứng dậy tiến lại gần cửa hỏi:

“Ai đó?”

Đáp lại là cái giọng quen thuộc của Sơn, anh cán bộ võ trang dữ tợn nhất trong khám đường, nhưng lần này anh ta lại nói giọng nhỏ nhẹ đầy thân tình:

“Anh mới thăm nuôi chắc vui vẻ chứ?”

Khó nói thật, thăm nuôi của người khác chứ đâu phải của tôi!

“Cám ơn cán bộ, vui vẻ.”

“Khi sáng, thấy người nhà gởi cho anh cả chum lạp xưởng, anh ăn hết chưa?”

Trời đất! Chính tôi cũng không biết là trong đồ thăm nuôi của ông Đ. có chum lạp xưởng nữa. Tôi lúng túng:

“Thưa...”

Tôi định nói tôi chưa coi kỹ đồ thăm nhưng nghĩ lại thật là vô lý. Thăm từ sáng mà giờ này chưa coi kỹ là sao? Lạng quạng với mấy gã này chẳng khác chi giỡn mặt với tử thần! Tôi chưa biết nói sao thì viên cán bộ tiếp:

“Tôi nghĩ là anh chưa ăn hết đâu! Anh cho tôi xin hai cái nhé!”

“Dạ, để tôi hỏi ông già, ông đang ngủ.”

“Đánh thức ông ta dậy làm gì! Của anh, anh muốn cho ai mắc mớ chi tới ông?”

“Dạ, tôi không có đồ đựng, tôi gởi ông.”

“Vậy thì lẹ lẹ lên! Tôi thấy có một hộp kẹo sô- cô-la nữa, cho tôi vài cái luôn!”

Tôi bước tới lay ông Đ. dậy. Gặp lúc ông ta đang xì rắm thúi đến nhức đầu khiến tôi phải nín thở, không dám mở miệng.

“Cái gì thế? Tôi đang đau bụng quá trời đây nè!”

Tôi chờ một chốc cho tản mùi hôi mới dám nói:

“Cán bộ Sơn đến xin hai cái lạp xường và một ít kẹo sô-cô-la. Lấy gấp kẻo ông ấy đang đợi đấy.”

Ông Đ. vùng vằng dường như không muốn chịu.

“Xong chưa? Gì mà chậm như rùa vậy?”

Nghe tiếng giục của cán bộ Sơn, ông Đ. mới lật đật mở túi xách lấy đồ ra. Tôi đem hai cái lạp xường và nắm kẹo đưa qua lỗ thùng ở cửa cho cán bộ Sơn. Anh ta có vẻ không hài lòng:

“Bấy nhiêu thôi à? Cám ơn anh.”

Tôi vừa tức cười vừa bực mình, về chỗ chun vô mừng nằm liền.

Trong khi ấy, ông Đ. lục đục làm gì đó trong bóng tối tôi không nhận rõ. Một chốc sau, tôi biết là ông đang đi cầu. Mùi xú uế toả inh cả phòng. Tôi phải lấy cái áo lót mà bưng mũi mình lại.

Sau khi ngủ được một giấc, tôi lại giật mình vì tiếng lục đục của ông Đ. “Ngán thay cái mũi vô duyên, Béo bùi một trận trăm phiền kéo theo!” Đêm ấy ông Đ. đi cầu tới sáu bảy lượt. Việc ấy đã làm tôi chịu khổ sở và mất ngủ lây. Hôm sau thấy người ông xụi lơ, gần như bước không muốn nổi.

Cũng may, cơn bệnh của ông không kéo dài thêm bao lâu. Những ngày kế tiếp, ông Đ. lại bồi dưỡng tới tấp. Có khi ông cầm cả con lạp xưởng để ăn mà không cần nướng. Cá thịt, sữa bánh, đậu phộng, đậu nành rang đã làm ông bận rộn suốt ngày. Nhờ cái bình thủy, hằng ngày ông được đảm đệ tử ở nhà bếp ưu tiên thêm cho một phích nước nóng để pha trà, pha sữa. Lúc này thì tôi biết ông ta chỉ quen thói độc ẩm.

Với tôi, hằng bữa ông Đ. lại gắp cho một ít đồ ăn, khi miếng thịt heo, khi khúc cá bông, lâu lâu một khúc cá thu. Những khúc cá thu khô ấy đã được hấp chín rồi, tuy khô nhưng ngon ngọt lạ lùng. Có lẽ nhờ sự bồi dưỡng ấy, bệnh ghẻ ở người tôi cũng cầm chừng, không thấy phát triển nữa.

Trước kỳ thăm nuôi kế tiếp vài ngày, một đêm, trong khi ông Đ. đang nói chuyện xuyên tường, bỗng nghe tiếng gõ cửa. Ông hoảng hồn vội bước xuống giường. Ai ngờ lần này cũng chính là hung thần Sơn viếng đêm. Gã nói:

“Kêu anh kia dậy tôi hỏi cái này, còn anh đi ngủ đi!”

Thế là ông Đ. qua cơn hú vía. Ông lay tôi dậy bảo đến gặp cán bộ Sơn. Tôi vừa mở miệng chào thì Sơn nói ngay:

“Anh còn lạp xưởng không? Còn thì cho tôi mượn vài con!”

Tôi lại lúng túng hết sức, làm sao tôi biết được còn hay hết, tôi có giữ nó đâu? Từ khi thăm nuôi tới giờ, ông chủ hờ này thật tình chưa được đụng đến một miếng lạp xưởng nào.

“Dạ, cán bộ cho tôi coi lại đã!”

Tôi quay lại hỏi nhỏ ông Đ. Ông cũng nói nhỏ: Hết rồi! Tôi trở lại nói:

“Thưa cán bộ, hết cả rồi!”

Sơn giận dỗi nạt:

“Thế mà cũng lâu lắc! Đồ ăn trong túi mà cũng không biết hết hay không à? Trong tù ăn uống phải dè xẻn để dành chứ, cứ có bao

nhiều ăn hết bấy nhiêu, khi bị cúp thăm lúc đó mới biết!”

Rồi anh ta hậm hực bỏ đi. Tôi quay sang nói với ông Đ.:

“Chắc nó giận lắm đấy!”

Ông Đ. nói:

“Kệ nó! Đồ cái thứ vong ơn bội nghĩa! Thật sự tôi còn một cây chứ đâu phải hết. Nhưng nếu mình cho thì nó lại bắt quen. Đêm hôm, chẳng lẽ nó lại dám soát phòng sao mà sợ?”

Tôi chỉ sợ nó nghĩ tôi ích kỷ, nó thù thôi. Nó đâu có biết được tôi chỉ là chủ hồ! Vì thế tôi đề nghị:

“Hay lần thăm sắp đến, ông để tôi giữ cho mấy cái, phòng khi nó đến xin nhé!”

Ông Đ. cười:

“Cứ tới đó rồi hay!”

Tôi thật sự thấy bất mãn với ông Đ. khi ông ấy trả lời như vậy. Cứ làm chủ hồ kiểu này dễ bị chết oan quá!

Bữa ăn trưa hôm sau, khi ông Đ. gắp một miếng thịt heo kho đưa vào miệng thì cắn nhầm một vật lạ. Ông liền nhả ra xem vật gì. Đó là

một bọc nylon xếp nhỏ được ràng rịt kỹ bằng mấy sợi cao- su. Ông mở xem thì thấy bên trong gói một tờ giấy bạc hai mươi đồng và một mảnh giấy ghi hàng chữ: “Tình hình bên ngoài không được yên, cầu ơn trên cho cha được sức khỏe”. Ông Đ. đưa cho tôi xem và cười khoái trá:

“Làm thế này thì bọn vong ân bội nghĩa làm sao biết được? Cũng may mình tò mò, cứ tưởng vật gì lộn vào mà vớt đi thì hoài của.”

Kỳ thăm nuôi lại đến. Lần này tôi ngồi sát cửa dán mắt vào một lỗ hồng quan sát đám tù nhà bếp đưa quà đến các phòng. Lòng tôi vui vui mỗi lần nghe tên một người quen được thăm. Khi tù nhà bếp phát phần ăn trưa, chúng tôi vẫn chưa được thăm nên cùng nhau ăn liền cho rồi việc. Đến khoảng hai giờ chiều thì tôi được gọi tên. Thấy trên tay anh tù nhà bếp chỉ có vồn vẹn một xách đựng nhỏ, tôi hơi ngạc nhiên. Hay cái giỏ ấy là của người nào khác? Nhưng quả thật viên cán bộ đến mở cửa phòng tôi.

“Ai thăm nuôi biết không?”

“Mai Hoàng Bích!”

“Không phải!”

Tôi nói đến tên người chị của tôi thì đúng ngay chóc. Xách quà thăm chỉ có bốn ổ bánh mì, một gói cá khô, năm hột vịt lộn, một gói xôi đậu và một nải chuối. Quà tuy ít nhưng tôi mừng lắm, như vậy là người

thân của tôi đã biết tôi bị giam ở đây rồi. Cửa vừa đóng thì tôi đem bánh mì và hột vịt lộn ra mời ông Đ. cùng ăn. Nhưng chúng tôi mới ăn nửa chừng thì lại nghe bên ngoài có tiếng gọi tên tôi. Chúng tôi vội dẹp bữa ăn dở dang vừa kịp lúc cửa mở. Đồ thăm gồm hai xách bụi sự. Chắc đúng là của Mai Hoàng Bích rồi! Tôi cực kỳ hồi hộp lo lắng. Tôi cứ sợ viên cán bộ nhớ ra được tôi mới nhận quà cách đây chưa tới một tiếng thì thật phiền. Mãi tới khi quà trao cửa đóng xong xuôi, tôi mới thật sự an lòng. Cán bộ vừa đi khỏi, ông Đ. liền hớn hờ khui quà. Lần này quà có phần nhiều hơn lần trước.

Trong lúc mọi chuyện tưởng đang tốt đẹp thì chúng tôi bỗng nhận được một cái tin đáng sợ. Đó là vụ anh Kha được thăm nuôi hai lần trong một ngày bị phát giác. Số là anh Kha được người nhà của linh mục Hương đến thăm vào buổi sáng. Vì quà thăm khá lớn nên cán bộ khám đường lưu ý nhớ kỹ. Bất ngờ buổi chiều thì vợ anh Kha lại xin vào thăm nữa. Cán bộ Năm Bình, phó giám thị khám đường nghi ngờ hỏi lý do. Anh Kha bắt buộc dĩ phải nói đại là vợ anh đã đến thăm buổi sáng nhưng vì thấy anh còn thiếu vài thứ cần thiết nên lại ra chợ mua thăm thêm một lần. Năm Bình không tin, giao việc này cho cán bộ Sơn tra hỏi.

Lâu nay trong khám đường này, bất cứ người tù nào bị Sơn chiếu cố thì không chết cũng bị thương. Linh mục Hương lẫn anh Kha đều khiếp hãi chờ đại họa giáng xuống. Thế nhưng có lẽ nhờ ơn trên che chở, gã hung thần đã cho thông qua việc đó. Thật hù vía!

Sau này tôi mới biết nguyên nhân giúp hai ông thoát nạn. Ông

Hương thường ngày ăn uống rất dè xẻn. Vào đêm Sơn đến xin tôi lập xưởng, Sơn cũng đến hỏi xin anh Kha luôn. Gã nói cần để nhậu với mấy người bạn ở xa mới đến thăm. Rất may ông Hương còn hai con để biếu. Chính những con lập xưởng béo ngậy ngậy ấy đã cứu hai ông.

Sau khi kiểm quà xong, ông Đ. vét đồ cũ của lần thăm trước ra một chén đầy, gồm đủ thịt heo, cá bóng và một ít thịt chà bông. Ông nói với tôi:

“Ông coi có dùng được thì cứ dùng!”

Sao lại không dùng được chứ? Tất cả đồ ăn cứ hai ngày ông Đ. lại gởi đám tù nhà bếp hâm một lần nên tôi yên chí lắm. Cơ thể mình đang cần thịt cá quá, đâu dám phụ bạc chúng. Ở trong tù, phí bỏ bất cứ cái gì, tôi đều cảm thấy như mắc phải tội lỗi. Nhân ngày thăm nuôi tù, nhà bếp thường phát phần ăn chiều sớm hơn thường lệ. Tôi liền nhận cả hai phần rồi đem ăn với chén đồ ông Đ. vừa cho ấy. Dù thấy nó hơi thiu, nhưng tôi vẫn hăng hái làm hết.

Chuyện ông Đ. gấp thức ăn cho tôi hằng bữa đã thành lệ rồi. Hôm nay dù mới thăm, ông cũng áp dụng như thế. Sau bữa trưa một lát, tôi đã ăn ba hột vịt lộn với hai ổ bánh mì, tiếp đó tôi lại thộn luôn phần ăn của nhà bếp cộng một chén đồ ăn cũ của ông Đ., nên trong bụng hơi khó chịu. Thành thử, phần cơm cùng thịt cá ông Đ. Đãi, tôi đem về cất lại.

Tối đó, tôi ngồi suy nghĩ mà rùng mình. May bà chị tôi đến thăm sớm và quà không có gì đáng kể nên cán bộ khám đường không để ý. Nếu không, tôi chẳng biết kết quả ra thế nào. Tôi thấy rõ việc thăm nuôi như thế này, nếu kéo dài thì không thể nào ổn được. Chơi dao hoài tất phải có ngày đứt tay. Thế là tôi có ý định bảo ông Đ. chấm dứt vụ mượn tên tôi để thăm nuôi. Nghĩ như vậy, nhưng tôi thấy khó mở miệng nói ra quá. Thế rồi, tôi bắt đầu loay quanh:

“Ông Đ. này, có thể tối nay thằng Sơn nó đến xin đồ đó. Ông thấy thứ gì nó có thể xin, đưa tôi cất giùm cho một ít. Lỡ khi nó hỏi, tôi phải đưa cho nó chứ, nếu không, tôi ngại lắm.”

Ông Đ. nói:

“Thì khi nó đòi, ông bảo tôi đưa cho cũng được vậy. Mình ở cùng phòng mà, lo gì!”

“Tôi sợ khi một trong hai người mình bị chuyển phòng bất ngờ thì làm sao?”

Có lẽ ông Đ. nghĩ là tôi muốn làm khó ông để đòi chia của. Ông nói:

“Tôi chỉ ngại phiền cho ông phải gói ghém cất giữ lời thôi, chứ nếu chuyển phòng thì tôi chia cho ông một ít đồ để ông dùng chứ! Ông yên chí, hễ có vụ chuyển phòng là tôi chia cho ông liền.”

Khi đó, tôi thấy trong người mình khó chịu nên cũng không muốn nói

gì nữa.

Cái bụng anh ách bắt đầu hành hạ tôi. Tôi lo sợ lắm vì trong phòng không có cầu tiêu. Tôi nghĩ có lẽ tại mình tiếc cái mớ thịt thiu mới nên chuyện. Tại sao cái ngày cả hai người đều có thăm nuôi, mình lại tiếc chi cái của ấy nhỉ? Bụng tôi bắt đầu quặn lên dữ dội nhưng tôi vẫn cố nghiến răng mà nín. Rồi tôi biết không thể nào nín được nữa, tôi năn nỉ ông Đ.:

“Ông làm ơn cho tôi mượn cái hộp bánh của ông một chút đi! Tôi đau bụng quá chịu không nổi rồi!”

Ông Đ. giọng hơi cười:

“Tôi cũng từng bị đau như thế rồi, tôi biết lắm. Nhưng chuyện này, xin lỗi ông Trọng, tôi vẫn quen của ai dùng của nấy thôi.”

Tôi phải cố vừa năn nỉ vừa dọa:

“Ông cho tôi mượn rồi ngày mai tôi xin cán bộ bụng đi đổ và sẽ rửa sạch sẽ đàng hoàng cho ông! Nếu ông không cho mượn, lỡ tôi bung ra đây thì ông cũng khổ đó!”

Nhưng ông Đ. cương quyết:

“Tôi đã nói tôi không quen dùng chung cái gì với ai cả! Bây giờ cho ông mượn, lỡ tôi cũng bị đau rồi tôi đi vào đâu?”

Tôi giận điên lên nhưng cố ghìm để khỏi phát ra những ngôn ngữ không đẹp.

Đồ cá nhân của tôi chỉ có cái chén nhôm, cái tô và cái lon gô chứ còn gì nữa đâu? Không lẽ đem cái lon gô mà dùng vào việc ấy thì lấy gì đựng nước uống? Trong lúc tôi toan làm bậy ra tới đâu hay đó thì bất ngờ cán bộ Sơn đến “gõ cửa”. Ông Đ. vội bước tới trình bày sự việc với Sơn. Thật là ông trời đi khỏi, dù đang đêm, Sơn vẫn sốt sắng mở cửa cho tôi đi cầu. Nhưng phải nói là quá khổ, tôi vát vả từng bước, vừa đi vừa kẹp vừa nghiêng răng mà nín. May sao, thuyền cũng vượt được bão táp để ghé bến bình an. Sau khi trút được gánh nặng ngàn cân ấy, tôi thoải mái ra về. Ông Đ. đã lấy sẵn quà đưa tôi trao cho Sơn: hai con lạp xường, một dúm kẹo sô-cô-la, một trái cam và hai trái quýt.

Sau đó, tôi còn phải chịu đựng vài cơn đau nữa nhưng nhẹ hơn. Nhờ có mấy tờ báo gói và mấy cái bao nylon nên mọi chuyện được thu xếp gọn ghẽ.

Gần sáng, tôi mới ngủ được một giấc thoải mái. Sau ngày thăm nuôi, cán bộ khám đường vẫn đi điểm danh trễ hơn thường lệ. Mãi tới khi tù nhà bếp đi phát nước, tôi mới thức dậy. Bỗng một tiếng nói rồn rảng oai vệ lạ hoắc phát ra ngay bên cạnh làm tôi giật nảy mình:

“Ông Trọng đã hết đau bụng chưa?”

Ai ngờ đâu, đó lại là tiếng nói của ông Đ.! Từ khi tôi vào ở chung với ông trong ngôi cổ miếu này, tôi chỉ nghe ông nói với giọng khào khào như nói thầm, tới giờ mới nghe được cái giọng cứng cáp oai vệ ấy. Nhờ được bồi dưỡng đầy đủ, thanh quản của ông nay đã phục hồi. Có lẽ sung sướng vì sự thay đổi ấy, ông cười nói liên miên. Nhưng tôi chỉ gật gật ậm ờ cho qua chuyện. Tôi không sao quên được cách cư xử thiếu độ lượng của ông khi tôi đang lâm cơn đau bụng ngặt nghèo.

Tới khi ăn trưa, ông lại nồng nặc mời tôi nhưng vì phần cơm chiều hôm qua của tôi vẫn còn nên tôi từ chối. Tôi thấy ông có vẻ bồn chồn lo lắng vì chuyện gì đó.

Khi cơm nước xong, tôi nói với ông Đ.:

“Từ nay ông đừng lấy tên tôi để thăm nuôi nữa nghe! Vụ ông Kha vừa qua làm tôi sợ lắm. Phát giác được chuyện gian dối, tội nó đập chết mình như chơi, xin ông thông cảm cho!”

Lời tôi nói hoàn toàn đúng. Ông Đ. dĩ nhiên cũng biết rõ như thế. Chẳng qua là sự đói khát đã hành hạ thân xác ông quá nên ông phải tạm thời làm liều. Nghe tôi nói xong, ông Đ. lộ vẻ bối rối:

“Ông sợ à? Vậy tôi đề nghị thế này: Ông bảo người chị ông đừng thăm nữa, cứ để người nhà tôi thăm tên ông. Quà thăm anh em mình sẽ chia đôi, được không?”

Bây giờ ông mới nghĩ đến việc chia đôi quà thăm nuôi? Thật sự tôi không hề muốn đòi hỏi như thế. Tôi không phải là kẻ ham ăn uống, tôi chỉ cần một phần nhỏ để giữ thân thể khỏi bệ rạc là đủ. Việc gian dối vừa qua, tôi là người đồng tội với ông. Thế sao ông vẫn tự coi như kẻ ban ơn và tôi là kẻ chịu ơn? Trong hoàn cảnh khốn cùng, tôi đã gắng không nghĩ đến điều đó. Nhưng qua trận đau bụng của tôi vừa rồi, tôi thấy rõ ông chẳng thương tôi chút nào. Vậy tại sao tôi phải lặn mình vào chia hoạn nạn với ông?

“Xin ông thông cảm cho. Trước đây hoàn cảnh còn thuận lợi, người nhà tôi chưa biết tôi ở đây, tôi mới để ông mượn tên. Bây giờ tôi không có cách nào liên lạc để bảo chị tôi ngừng thăm được. Nếu lỡ hai bên thăm trùng nhau bị bắt gặp là chúng ta có thể bị toi mạng cả. Tôi không muốn chết vì miếng ăn.”

Ông Đ. càng xuống nước:

“Thôi thì đành vậy. Nhưng xin ông cho tôi thăm một kỳ chót nữa nhé!”

Phải nói là tôi càng nghĩ tới chuyện thăm nuôi trùng nhau càng sợ. Tôi đâu có tài ứng biến tranh cãi như người ta được! Dính vào là chết! Tôi cố gắng tìm một câu hài nói với ông Đ.:

“Xin ông tha cho. Bây giờ người nhà tôi đã biết tôi ở đây, không chừng bà xã tôi lại lặn lội tới thăm tôi nữa. Nếu rủi bà xã tôi lại gặp một bà Mai Hoàng Bích trẻ đẹp cũng vào thăm nuôi chồng mình, làm sao giải thích với nhau? Rồi mai kia kẻ nam người bắc, có lẽ suốt đời

tôi giải oan cũng không được nữa!”

Tới lúc đó ông Đ. mới chịu thôi.

Thế là ông Đ. lại bị cúp thăm nuôi. Tôi biết ông lo buồn lắm. Bây giờ giọng nói ông đã bình thường, bệnh ho cũng giảm, nên tôi nói chuyện với ông nhiều hơn.

Kỳ thăm nuôi kế tiếp, chỉ có chị tôi vào thăm. Tôi cũng nhắn xin chị tôi một cái xô để dùng. Chị tôi thăm đồ ít nhưng đều, không vắng kỳ thăm nào cả. Ông Đ. đã trở thành mồi côi nên tôi luôn vui vẻ san sẻ đồ thăm cho ông.

Thấm thoát, tôi ở trong ngôi cổ miếu này đã được tám tháng. Suốt thời gian ấy tôi không hề được tắm rửa nên toàn thân mốc meo sủi vảy lên cả, trông rất dị hợm. Ngồi trong nhà thì không sao, nhưng bước ra ngoài thì ai cũng nhìn tôi bằng đôi mắt khác lạ. Cũng may là tôi được thăm nuôi đều nên bệnh ghẻ không phát nổi. Ông Đ. càng thâm niên không tắm rửa hơn tôi, mười một tháng. Ông cũng thành một con người mốc meo. Ngôi cổ miếu mốc meo đã che chở hai con người cũng mốc meo như nó!

Thế rồi, một hôm có một đoàn thanh tra trại giam đến khám đường Bà Rịa. Họ đến từng phòng, cho tù ra sân xếp hàng để họ hỏi chuyện, đồng thời họ cũng vào bên trong xem xét.

Khi đến ngôi cổ miếu của chúng tôi, họ chững hững nhìn thấy hai

nhân vật cổ quái trước mắt. Người trưởng đoàn hỏi:

“Sao các anh lười tắm vậy? Để người nhóp nhúa mốc meo thế mà chịu được à? Tóc tai bù xù dơ dáy không biết ngứa à?”

Ông ta hỏi tôi như thế. Ngặt một điều, lúc ấy mấy gã cán bộ của khám đường đều có mặt cả nên tôi ngập ngừng không dám nói. Ông trưởng đoàn hỏi tiếp:

“Anh bị bệnh gì mà lười tắm rửa như vậy? Nghiện hút hả?”

Tôi thấy cán bộ Sơn nhìn tôi, tôi ngán lắm, nhưng tôi vẫn phải trả lời:

“Dạ cán bộ đâu có cho tắm!”

“Không cho tắm à? Bao lâu rồi?”

“Tám tháng!”

Tôi liếc thấy mấy gương mặt những người trong đoàn thanh tra đều có vẻ ngạc nhiên. Ông trưởng đoàn lại quay sang ông Đ. hỏi:

“Còn anh này không được tắm bao lâu rồi?”

Ông Đ. chậm rãi nói:

“Dạ, tôi mới mười một tháng không được tắm!”

Câu nói của ông Đ. làm nhiều người không giữ vẻ nghiêm nghị được nữa. Ông trưởng đoàn nói với đám cán bộ khám đường:

“Cho hai người này đi tắm ngay!”

Cán bộ Sơn ra lệnh lại cho chúng tôi. Thế là chúng tôi đem đồ ra vừa tắm giặt vừa hỉ hả nói chuyện với nhau. Tắm giặt xong, chúng tôi phơi nắng thoải mái cả buổi. Sau đó, anh tù hớt tóc tay xách cái ghế đến bảo chúng tôi:

“Lệnh cán bộ, anh nào tắm giặt xong, ngồi lại hớt tóc!”

Anh ta hớt chớp nhoáng, có lẽ chỉ mười phút, anh đã làm xong cả hai cái đầu. Xong xuôi, anh bảo chúng tôi đem đồ vào phòng và chính anh khoá cửa lại.

Hôm sau, chúng tôi lại được cho ra tắm và đi cầu. Đặc biệt lần này, cả phòng anh Kha lẫn phòng anh Khôi cũng được cho ra tắm luôn một lượt. Cán bộ lại bỏ đi mất nên chúng tôi có cơ hội giới thiệu nhau và nói chuyện với nhau vui vẻ. Lúc này tôi mới thấy rõ linh mục Hương, ông già hơn ông Đ. chừng bốn năm tuổi. Linh mục Nguyễn Minh thì còn quá trẻ, chỉ xấp xỉ với tôi.

Đó là lần chúng tôi được tắm chung duy nhất. Những ngày kế tiếp, chúng tôi vẫn được ra tắm và đi cầu thành lệ. Nhưng cán bộ chia cách thời gian tắm cho từng phòng nên tôi không được gặp những

người bạn tù này nữa.

Cũng thời gian này, anh Kha, anh Khôi và tôi đều lần lượt được kêu làm việc bổ túc hồ sơ nhiều lần. Chúng tôi cứ nghĩ là mình sắp được thả về.

Rồi ngày thăm nuôi lại đến. Lần này chị tôi bới đồ khá nhiều, trong đó có một gói thịt lạ lạ cỡ hai ký. Tôi vừa mở ra xem thì ông Đ. nói:

“Ồ, thịt chó!”

Suốt cả đời, tôi không ngó đến thịt chó, không hiểu sao chị tôi lại bới cho tôi? Thế là tôi đưa cả cho ông Đ. Sau này khi về, tôi kể lại chuyện đó với chị tôi thì chị tôi nói:

“Chó đâu mà chó! Tụi nó đánh bẫy bắt được hai con cheo, không dám cho đứa nào ăn một miếng, bới hết cho cậu ăn một bữa cho đã thèm đó chứ!”

Một điều không ngờ là ngay sau ngày thăm nuôi ấy, tôi được lệnh chuyển trại. Ông Đ. thì vẫn ở lại chỗ cũ. Thế là tôi chia cho ông Đ. một ít đồ mới thăm và giã từ ông, giã từ ngôi cổ miếu. Trong giây phút chia tay đó, ông Đ. buồn bã nhưng vẫn cố cất giọng hài:

“Thôi rồi, ngôi cổ miếu này từ nay chỉ còn một mình tôi tu luyện! Sau này, nếu chúng ta đều đã được xuống núi, khi cần, ông cứ đến xã

Phước Tĩnh tìm tôi. Chúc ông lên đường may mắn!”

Nguồn: *Báo Phụng hoàng cảnh sát quốc gia (Hoa Kỳ)*

Nguồn: Tác Giả / VN Thư quán

Được bạn: mrs đưa lên

vào ngày: 2 tháng 1 năm 2009